

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ – CÔNG TY CỔ PHẦN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31 tháng 03 năm 2017

TP.HCM - Tháng 05 năm 2017

MỤC LỤC

	Trang
Bảng Cân đối kế toán	2 - 3
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	4
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	5
Thuyết minh Báo cáo tài chính	6 - 32

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Bảo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/03/2017	Tại ngày 01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,169,949,652,733	1,250,091,813,579
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	84,169,426,788	46,203,334,462
1 . Tiền	111		83,669,426,788	45,703,334,462
2 . Các khoản tương đương tiền	112		500,000,000	500,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		464,000,142,907	462,618,285,599
1 . Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	357,681,069,123	368,047,542,640
2 . Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		60,838,211,969	44,985,778,336
5 . Các khoản phải thu khác	136	5.3	45,838,986,730	49,584,964,623
6 . Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(358,124,915)	-
IV. Hàng tồn kho	140	5.4	560,528,665,841	647,365,507,180
1 . Hàng tồn kho	141		563,627,733,074	650,464,574,413
2 . Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(3,099,067,233)	(3,099,067,233)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		61,251,417,197	93,904,686,338
1 . Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	12,911,665,970	13,090,603,129
2 . Thuế GTGT được khấu trừ	152		36,759,260,338	67,884,784,087
3 . Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.10	11,580,490,889	12,929,299,122
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		571,301,158,974	560,826,491,806
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		59,862,180,641	50,336,335,729
6 . Phải thu dài hạn khác	216	5.3	59,862,180,641.00	50,336,335,729
II. Tài sản cố định	220		262,219,696,433	269,023,257,820
1 . TSCĐ hữu hình	221	5.6	235,112,564,201	241,015,428,273
- Nguyên giá	222		687,501,919,163	688,253,427,509
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(452,389,354,962)	(447,237,999,236)
3 . TSCĐ vô hình	227	5.7	27,107,132,232	28,007,829,547
- Nguyên giá	228		40,978,782,924	40,978,782,924
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(13,871,650,692)	(12,970,953,377)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		127,500,000	-
2 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		127,500,000	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.8	210,697,871,825	200,425,871,825
1 . Đầu tư vào công ty con	251		108,235,268,520	102,053,268,520
2 . Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		73,586,989,920	71,086,989,920
3 . Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		28,875,613,385	27,285,613,385
V. Tài sản dài hạn khác	260		38,393,910,075	41,041,026,432
1 . Chi phí trả trước dài hạn	261	5.5	38,393,910,075	41,041,026,432
TỔNG TÀI SẢN	270		1,741,250,811,707	1,810,918,305,385

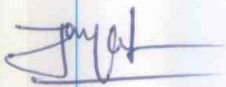
TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/03/2017	Tại ngày 01/01/2017
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1,423,402,096,723	1,505,175,910,963
I. Nợ ngắn hạn	310		1,331,391,233,943	1,416,205,172,929
2 . Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	171,817,170,945	231,374,586,309
3 . Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		10,378,126,991	16,035,239,608
4 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	5,464,727,921	9,387,478,002
5 . Phải trả người lao động	314		35,726,064,488	118,276,086,008
6 . Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.11	23,638,973,873	33,138,080,284
8 . Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.12	3,923,927,182	4,899,609,401
9 . Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	20,098,057,604	12,564,627,513
10 . Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	1,007,577,239,475	936,937,742,161
11 . Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		39,171,767,442	39,171,767,442
12 . Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		13,595,178,022	14,419,956,201
II. Nợ dài hạn	330		92,010,862,780	88,970,738,034
1 . Phải trả người bán dài hạn	331	5.9	375,597,034	375,597,034
6 . Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.12	22,211,238,472	22,205,546,226
7 . Phải trả dài hạn khác	337	5.13	6,343,705,274	6,879,272,774
8 . Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.14	63,080,322,000	59,510,322,000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		317,848,714,984	305,742,394,422
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.15	317,848,714,984	305,742,394,422
1 . Vốn góp của chủ sở hữu	411		182,000,000,000	182,000,000,000
8 . Quỹ đầu tư phát triển	418		31,399,897,713	31,399,897,713
11 . Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		104,448,817,271	92,342,496,709
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		92,342,496,709	30,036,586,261
- LNST chưa phân kỳ này	421b		12,106,320,562	62,305,910,448
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG NGUỒN VỐN	440		1,741,250,811,707	1,810,918,305,385

Lập biểu



Huỳnh Văn Phát

Kế Toán Trưởng



Thân Phạm Tiến

TP.HCM, Ngày 25 tháng 05 năm 2017

Tổng Giám Đốc



Nguyễn Ngọc Lân

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

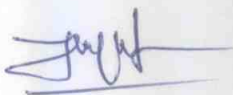
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ BC từ ngày 01.01.2017 đến ngày 31.03.2017	Kỳ BC từ ngày 01.01.2016 đến ngày 31.03.2016
1.Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.16	671,116,616,518	768,067,390,009
2.Các khoản giảm trừ	02		2,375,913,833	2,934,302,827
3.Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		668,740,702,685	765,133,087,182
4.Giá vốn hàng bán	11	5.17	519,300,236,837	616,096,807,704
5.Lợi tức gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		149,440,465,847	149,036,279,478
6.Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.18	6,034,030,927	6,112,823,835
7.Chí phí tài chính	22	5.19	7,523,405,132	10,143,657,342
- Trong đó: Chí phí lãi vay	23		5,231,247,535	6,619,044,750
8.Chí phí bán hàng	24	5.20	62,157,920,064	59,808,568,034
9.Chí phí quản lý doanh nghiệp	25	5.21	67,726,809,363	65,059,841,142
10.Lợi tức thuần từ HĐKD	30		18,066,362,215	20,137,036,795
11.Thu nhập khác	31		451,435,060	482,468,923
12.Chí phí khác	32		182,889,212	177,479,176
13. Lợi nhuận khác	40	5.22	268,545,848	304,989,747
14.Tổng lợi nhuận trước thuế	50		18,334,908,063	20,442,026,542
15.Chí phí thuế TNDN hiện hành	51	5.23	3,922,621,678	4,432,413,192
17.Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		14,412,286,385	16,009,613,350

TP.HCM, ngày 25 tháng 05 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Huỳnh Văn Phát

Thân Phạm Tiến

Nguyễn Ngọc Lân

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Mẫu B 03-DN

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

TP.HCM, ngày 25 tháng 05 năm 2017

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Lân

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”) được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty May Nhà Bè theo Quyết định số 74/2004/QĐ-BCN ngày 08/8/2004 và Quyết định số 88/2004/QĐ-BCN ngày 08/09/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300398889 ngày 24 tháng 3 năm 2005 do Sở kế hoạch và đầu tư Tp. HCM cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 21 ngày 13 tháng 01 năm 2015.

Tên Tổng Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Nha Be Garment Corporation - Joint Stock Company, tên viết tắt là: NHABECO.

Vốn điều lệ là 182.000.000.000 đồng.

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	5.040.000	50.400.000.000	27,69%
Công ty Cổ phần 4M	1.780.000	17.800.000.000	9,78%
Công ty CP TM & Vận tải Biển Bom	49.122	491.220.000	0,27%
Các cổ đông khác	11.330.878	113.308.780.000	62,26%
Tổng	18.200.000	182.000.000.000	100%

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại số 4, đường Bến Nghé, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

Các đơn vị hạch toán phụ thuộc

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè – Công ty Cổ phần – Xí nghiệp May Bình Phát
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè – Công ty Cổ phần – Xí nghiệp May Bảo Lộc
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè – Công ty Cổ phần – Xí nghiệp May An Giang
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè – Công ty Cổ phần – Xí nghiệp May KonTum
Tổng Công ty May Nhà Bè – Công ty Cổ phần – Chi nhánh Bình Định
Chi nhánh Phía Bắc Tổng Công ty May Nhà Bè – Công ty Cổ phần
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè tại Hà Nội
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè tại Đà Nẵng
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè tại Hải Phòng
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè tại Nam Định

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu của Tổng Công ty bao gồm nhiều lĩnh vực, trong đó chủ yếu là tập trung vào các lĩnh vực sau đây:

- Sản xuất, mua bán sản phẩm dệt - may, nguyên phụ liệu, máy móc, thiết bị, phụ tùng linh kiện phục vụ ngành dệt, may;
- Giặt, tẩy, in trên sản phẩm dệt;
- Mua, bán sản phẩm chế biến từ nông - lâm - hải sản, máy móc thiết bị, phụ tùng kim khí điện máy gia dụng và công nghiệp, điện tử, công nghệ thông tin;
- Xây dựng và kinh doanh nhà;
- Môi giới bất động sản;
- Dịch vụ kho bãi;
- Kinh doanh vận tải xăng dầu bằng ô tô và đường thủy nội địa;
- Kinh doanh nhà hàng, lưu trú du lịch, khách sạn;
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, quốc tế;
- ...

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)**1.3 Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31/03/2017 Tổng Công ty có các Công ty con và Công ty liên kết như sau:

Các Công ty con	tỷ lệ vốn góp	tỷ lệ biểu quyết
Công ty CP May Bình Định	51.84%	51.84%
Công ty CP May Đà Lạt	55.00%	55.00%
Công ty CP May Gia Lai	51.00%	51.00%
Công ty CP Thương mại Nhà Bè		
Công ty CP May An Nhơn	51.00%	51.00%
Công ty CP Thương mại DM Nhà Bè	51.00%	51.00%
Công ty CP May Tam Quan	51.00%	51.00%
Công ty TNHH giặt tẩy Nhà Bè	70.00%	70.00%
Công ty cô phân May Bình Thuận	51.00%	51.00%
Cty CP May Nhà Bè - Hậu Giang	71.24%	71.24%
Cty CP May Gia Phúc	51.00%	51.00%
Công ty liên doanh, liên kết		
Công ty cô phân May Phú Thịnh	33.19%	33.19%
Công ty cô phân May 9 Nam Định	34.33%	34.33%
Công ty cô phân Đầu tư & Phát triển DV-TM NB	28.58%	28.58%
Công ty cô phân May Sông Tiền	43.89%	43.89%
Công ty CP BĐS Nhà Bè	36.67%	36.67%
Công ty CP tư vấn CN Nhà Bè	30.00%	30.00%
Công ty CP XLCN Nhà Bè	29.99%	29.99%
Cty CP truyền thông & Du lịch NBC	44.60%	44.60%
Công ty TNHH May mặc Tư Nghĩa	25.00%	25.00%
Công Ty CP TM Bán Lẻ Nhà Bè	30.00%	30.00%

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 1/1/2015.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của thông tư 200 kể từ ngày 01/01/2015. Để thông tin trên Báo cáo tài chính có thể so sánh được, công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số nội dung trên

Báo cáo tài chính cùng kỳ năm 2015 (được soạn lập dựa trên Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC và thông tư 244/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính) do đó các thông tin và số liệu kế toán trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được do đã được tính toán và trình bày nhất quán.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính

- (i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Vietcombank tại ngày 31/03/2017.
- (ii) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Vietcombank tại ngày 31/03/2017.

(Trường hợp doanh nghiệp có nhiều tài khoản tại nhiều ngân hàng khác nhau thì có thể lấy theo ngân hàng thường xuyên nhất, hoặc có số dư ngoại tệ lớn nhất – tùy từng doanh nghiệp, lấy thế nào thì thuyết minh thực tế như thế)

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá – 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có

Tiền đang chuyển

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Các khoản cho vay

Là các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Tất cả các khoản cho vay được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty con: Các khoản đầu tư vào các công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình**

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toánTài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình

- Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

- Bằng sáng chế và thương hiệu được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	2017
	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05-25
Máy móc và thiết bị	05-07
Thiết bị văn phòng	03-07
Phương tiện vận tải	06
Tài sản khác	

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

TSCĐ vô hình là bản quyền được khấu hao trong 6 năm.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như: khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ của Công ty như sau:

- + Quỹ đầu tư phát triển trích 3% lợi nhuận sau thuế.
- + Quỹ khen thưởng phúc lợi trích 16% lợi nhuận sau thuế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**Đối với doanh nghiệp sản xuất và thương mại**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Chiết khấu thương mại: là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính : ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính : ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

-Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Lỗ đầu tư chứng khoán : Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính (Tiếp theo)**

- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ xx% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh..

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/03/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền mặt	4,634,831,043	6,278,917,380
Tiền gửi ngân hàng	79,034,595,745	39,424,417,082
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	500,000,000	500,000,000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng</i>	500,000,000	500,000,000
Tổng	84,169,426,788	46,203,334,462

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.2 Phải thu của khách hàng

Tên khách hàng	31/03/2017 VND	Tên khách hàng	01/01/2017 VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	357,681,069,123		368,047,542,640
JP GLOBAL	4,662,691,540	JP GLOBAL	23,078,996,509
Công Ty CP May Gia Lai	49,593,947,468	Công Ty CP May Gia Lai	51,463,604,719
CARMEL	10,327,361,318	H&M	11,828,556,568
JC PENNY	3,485,441,456	JC PENNY	7,798,740,722
BMB CLOTHING GROUP	34,667,940,882	BMB CLOTHING GROUP	34,535,871,481
LUCRETIA	19,862,956,816	LUCRETIA	19,862,956,816
MATTALAN	13,126,533,572	GENEROS	18,175,759,929
ARCADIA	14,491,015,460	ARCADIA	4,315,349,450
CANDA	2,491,247,437	PRIMARK	1,678,978,260
DEBENHAMS RETAIL	16,702,621,709	WE EUROPE	1,345,616,048
MOTIVES	7,410,923,538	TRYBUS	4,256,819,110
Phải thu các đối tượng khác	180,858,387,927	Phải thu các đối tượng khác	189,706,293,028
Phải thu khách hàng dài hạn	-		-
Tổng cộng	357,681,069,123		368,047,542,640

5.3 Phải thu khác

	31/03/2017 VND	01/01/2017 VND
Ngắn hạn	45,838,986,730	49,584,964,623
Phải thu BHXH	568,942,028	445,755,928
Phải thu các công ty con, LDLK	2,903,974,159	13,339,550,299
Phải thu bán nguyên phụ liệu	-	-
Phải thu tạm ứng	5,258,733,327	5,527,760,897
Ứng tiền đầu tư dự án Hậu giang	-	-
Ứng tiền đầu tư dự án Đức linh	22,234,358,701	22,137,605,938
Đặt cọc tiền mặt bằng	1,785,747,996	1,272,939,948
Phải thu khác	13,087,230,519	6,861,351,613
Dài hạn	59,862,180,641	50,336,335,729
Mua đất dự án Long Thới	34,296,286,150	34,296,286,150
Phải thu các công ty con, LDLK	12,583,572,946	2,032,033,497
Công Ty CP May Phù Cát	8,031,015,000	8,453,700,000
Ký quỹ thuê mặt bằng	1,746,424,624	2,275,424,624
Phải thu khác	3,204,881,921	3,278,891,458
Tổng	105,701,167,371	99,921,300,352

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.4 Hàng tồn kho

	31/03/2017 VND		01/01/2017 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường			-	
Nguyên liệu, vật liệu	258,055,714,811	513,300,955	280,467,654,420	513,300,955
Công cụ, dụng cụ	1,497,674,397		1,441,587,636	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	173,981,354,670		232,812,847,191	
Thành phẩm	63,802,717,656	746,842,109	69,767,281,234	746,842,109
Hàng hoá	9,592,717,932	827,974,101	7,863,161,353	827,974,101
Hàng gửi đi bán	56,697,553,608	1,010,950,068	58,112,042,579	1,010,950,068
	563,627,733,074	3,099,067,233	650,464,574,413	3,099,067,233

5.5 Chi phí trả trước

	31/03/2017 VND	01/01/2017 VND
Ngắn hạn	12,911,665,970	13,090,603,129
Phân bổ thuê đất	97,459,854	170,047,300
Phân bổ CCDC	1,191,449,390	1,470,711,214
Phân bổ CP quảng cáo	553,881,605	678,877,934
Phân bổ CP sửa chữa	855,340,261	731,179,139
Phân bổ CP thuê MB	4,351,901,184	2,885,814,629
Bảo Hiểm	1,624,084,746	2,279,383,617
Phân bổ phụ tùng	746,892,801	1,099,368,292
Máy móc	26,556,572	14,995,758
Khác	3,464,099,557	3,760,225,246
Dài hạn	38,393,910,075	41,041,026,432
Chi phí thuê đất	15,493,239,091	15,647,352,416
Chi phí công cụ, dụng cụ	4,793,098,083	5,655,271,104
Máy móc thiết bị	5,228,977,721	6,316,070,067
Chi phí quảng cáo	938,307,010	1,020,949,366
Chi phí sửa chữa	8,768,673,951	8,633,962,955
Chi phí phụ tùng	2,312,292,785	2,714,254,708
Tài sản HH	92,548,746	132,390,401
khác	766,772,688	920,775,415
Tổng	51,305,576,045	54,131,629,561

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.6 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng (VND)
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2017	237,472,051,401	411,960,675,739	27,146,229,360	11,674,471,009	688,253,427,509
Tăng trong năm		5,660,947,792	5,827,319,545		11,488,267,337
Mua trong năm		2,336,769,000	5,827,319,545		8,164,088,545
XDCB hoàn thành					
Tăng do điều chuyển nội bộ		3,324,178,792			3,324,178,792
Tăng khác					
Giảm trong năm		12,239,775,683			12,239,775,683
Chuyển sang bất động sản đầu tư					
Thanh lý, nhượng bán		8,915,596,891			8,915,596,891
Giảm do điều chuyển nội bộ		3,324,178,792			3,324,178,792
Số dư tại 31/03/2017	237,472,051,401	405,381,847,848	32,973,548,905	11,674,471,009	687,501,919,163
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2017	131,383,971,445	288,323,165,309	18,562,053,698	8,968,808,784	447,237,999,236
Tăng trong năm	3,915,553,955	10,945,871,587	663,528,911	290,427,741	15,815,382,194
Khấu hao trong năm	3,915,553,955	9,197,442,010	663,528,911	290,427,741	14,066,952,617
Tăng do điều chuyển nội bộ		1,748,429,577			1,748,429,577
Tăng khác					
Giảm trong năm		10,664,026,468			10,664,026,468
Chuyển sang bất động sản đầu tư					
Thanh lý, nhượng bán		8,915,596,891			8,915,596,891
Giảm do điều chuyển nội bộ		1,748,429,577			1,748,429,577
Số dư tại 31/03/2017	135,299,525,400	288,605,010,428	19,225,582,609	9,259,236,525	452,389,354,962
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2017	106,088,079,956	123,637,510,430	8,584,175,662	2,705,662,225	241,015,428,273
Tại 31/03/2017	102,172,526,001	116,776,837,420	13,747,966,296	2,415,234,484	235,112,564,201

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.7 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng (VND)
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2016	13,161,700,385		5,838,965,451	21,978,117,088		40,978,782,924
Tăng trong năm						
Mua trong kỳ						
Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp						
Tăng do hợp nhất kinh doanh						
Tăng khác						
Giảm trong năm						
Tỷ, nhượng bán						
Giảm khác						
Số dư tại 31/12/2016	13,161,700,385		5,838,965,451	21,978,117,088		40,978,782,924
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2016	2,300,177,924		4,315,707,765	6,355,067,688		12,970,953,377
Tăng trong năm	120,420,222		145,974,141	634,302,952		900,697,315
Khấu hao trong năm	120,420,222		145,974,141	634,302,952		900,697,315
Tăng khác						
Giảm trong năm						
Giảm khác						
Số dư tại 31/12/2016	2,420,598,146		4,461,681,906	6,989,370,640		13,871,650,692
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
tại 01/01/2016	10,861,522,461		1,523,257,686	15,623,049,400		28,007,829,547
tại 31/12/2016	10,741,102,239		1,377,283,545	14,988,746,448		27,107,132,232

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.8 Đầu tư tài chính dài hạn

Nội dung	Tỷ lệ			Tại ngày 31/03/2017			Tại ngày 01/01/2017		
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Số lượng	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con				108,235,268,520	108,235,268,520	-	102,053,268,520	102,053,268,520	
Công ty CP May Bình Định	51.84%	51.84%	1,153,562	11,535,620,000	11,535,620,000		11,535,620,000	11,535,620,000	
Công ty CP May Đà Lạt	55.00%	55.00%	581,765	5,817,648,520	5,817,648,520		5,817,648,520	5,817,648,520	
Công ty CP May Gia Lai	51.00%	51.00%	765,000	7,650,000,000	7,650,000,000		7,650,000,000	7,650,000,000	
Công ty CP Thương mại Nhà Bè				-	-				
Công ty CP May An Nhơn	51.00%	51.00%	765,000	7,650,000,000	7,650,000,000		7,650,000,000	7,650,000,000	
Công ty CP Thương mại DM Nhà Bè	51.00%	51.00%	255,000	2,550,000,000	2,550,000,000		2,550,000,000	2,550,000,000	
Công ty CP May Tam Quan	51.00%	51.00%	1,530,000	15,300,000,000	15,300,000,000		15,300,000,000	15,300,000,000	
Công ty TNHH giặt tẩy Nhà Bè	70.00%	70.00%	700,000	7,000,000,000	7,000,000,000		7,000,000,000	7,000,000,000	
Công ty cổ phần May Bình Thuận	51.00%	51.00%	1,275,000	12,750,000,000	12,750,000,000		12,750,000,000	12,750,000,000	
Cty CP May Nhà Bè - Hậu Giang	71.24%	71.24%	2,778,200	27,782,000,000	27,782,000,000		21,600,000,000	21,600,000,000	
Cty CP May Gia Phúc	51.00%	51.00%	1,020,000	10,200,000,000	10,200,000,000		10,200,000,000	10,200,000,000	
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết				73,586,989,920	73,586,989,920	-	71,086,989,920	71,086,989,920	
Công ty cổ phần May Phú Thịnh	33.19%	33.19%	922,382	9,223,819,263	9,223,819,263		9,223,819,263	9,223,819,263	
Công ty cổ phần May 9 Nam Định	34.33%	34.33%	388,917	3,889,170,657	3,889,170,657		3,889,170,657	3,889,170,657	
Công ty cổ phần Đầu tư & Phát triển DV-TM NB	28.58%	28.58%	342,900	3,429,000,000	3,429,000,000		3,429,000,000	3,429,000,000	
Công ty cổ phần May Sông Tiền	43.89%	43.89%	1,536,000	15,360,000,000	15,360,000,000		15,360,000,000	15,360,000,000	
Công ty CP BĐS Nhà Bè	36.67%	36.67%	1,100,000	11,000,000,000	11,000,000,000		9,000,000,000	9,000,000,000	
Công ty CP tư vấn CN Nhà Bè	30.00%	30.00%	150,000	1,500,000,000	1,500,000,000		1,500,000,000	1,500,000,000	
Công ty CP XLCN Nhà Bè	29.99%	29.99%	300,000	3,000,000,000	3,000,000,000		3,000,000,000	3,000,000,000	
Cty CP truyền thông & Du lịch NBC	44.60%	44.60%	1,396,000	13,960,000,000	13,960,000,000		13,460,000,000	13,460,000,000	
Công ty TNHH May mặc Tư Nghĩa	25.00%	25.00%	750,000	7,500,000,000	7,500,000,000		7,500,000,000	7,500,000,000	
Công Ty CP TM Bán Lẻ Nhà Bè	30.00%	30.00%	472,500	4,725,000,000	4,725,000,000		4,725,000,000	4,725,000,000	
Đầu tư dài hạn khác				28,875,613,385	28,875,613,385	-	27,285,613,385	27,285,613,385	
Đầu tư cổ phiếu, trái phiếu				1,530,000,000	1,530,000,000	-	1,530,000,000	1,530,000,000	
Công ty CP May An Nhơn				1,530,000,000	1,530,000,000		1,530,000,000	1,530,000,000	
Đầu tư dài hạn khác				27,345,613,385	27,345,613,385	-	25,755,613,385	25,755,613,385	
Công ty CP & Đầu tư Bình Thăng	18.02%	18.02%		5,802,843,385	5,802,843,385		5,802,843,385	5,802,843,385	
Công ty CP NPL Bình An	6.45%	6.45%		7,161,920,000	7,161,920,000		7,161,920,000	7,161,920,000	
Công ty CP Dệt May Liên Phương	2.04%	2.04%		3,480,000,000	3,480,000,000		3,480,000,000	3,480,000,000	
Công ty CP Thương Mại Chọn									
Cty CP Đầu Tư An Phát	5.00%	5.00%		4,225,000,000	4,225,000,000		4,225,000,000	4,225,000,000	
Công ty cổ phần May 9 Nam Định	18.59%	18.59%		1,338,750,000	1,338,750,000		1,338,750,000	1,338,750,000	
Tổng Cty Việt Thăng - CTCP	2.78%	2.78%		5,337,100,000	5,337,100,000		3,747,100,000	3,747,100,000	
Tổng				210,697,871,825	210,697,871,825	-	200,425,871,825	200,425,871,825	-

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.9 Phải trả người bán

Phải trả người bán

Mẫu B 09-DN

	31/03/2017		01/01/2017	
	Giá trị ghi sổ	số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	171,817,170,945	171,817,170,945	231,374,586,309	231,374,586,309
Cty CP May Tam Quan	8,480,961,561	8,480,961,561	15,028,832,427	15,028,832,427
Cty CP May Gia Lai	6,083,709,604	6,083,709,604	9,466,548,521	9,466,548,521
Motives (Far East) Ltd.	11,180,046,133	11,180,046,133	12,222,664,521	12,222,664,521
Công Ty TNHH Coats Phong Phú	3,865,552,367	3,865,552,367	7,091,377,059	7,091,377,059
Cty CP May Bình Định	4,235,538,456	4,235,538,456	7,105,465,310	7,105,465,310
Cty CP May Hưng Phát	898,884,362	898,884,362	1,968,061,383	1,968,061,383
Công Ty TNHH May XK Việt Thành	3,711,001,595	3,711,001,595	9,453,972,475	9,453,972,475
Cty CP May Tây sơn	6,046,106,345	6,046,106,345	2,087,143,842	2,087,143,842
Cty CP May An Nhơn	3,017,375,537	3,017,375,537	3,584,114,476	3,584,114,476
Cty CP May Nhà Bè - Hậu Giang	6,344,197,368	6,344,197,368	8,836,411,752	8,836,411,752
Phải trả các nhà cung cấp khác	117,953,797,617	117,953,797,617	154,529,994,543	154,529,994,543
Dài hạn	375,597,034	375,597,034	375,597,034	375,597,034
Công Ty Xây lắp 1	234,364,068	234,364,068	234,364,068	234,364,068
CTY TNHH SX-TMDV Nam Thành	24,097,482	24,097,482	24,097,482	24,097,482
Embisphene	37,962,000	37,962,000	37,962,000	37,962,000
The Sewing machine Company LTD	53,947,720	53,947,720	53,947,720	53,947,720
phải trả dài hạn khác	25,225,764	25,225,764	25,225,764	25,225,764
Tổng	172,192,767,979	172,192,767,979	231,750,183,343	231,750,183,343

5.10 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/03/2017
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	3,071,470,743	3,705,215,553	5,036,707,822	1,739,978,474
Thuế XNK	1,132,565,453	-	1,053,958,471	78,606,982
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,996,493,875	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	3,004,462,769	1,571,824,604	1,323,246,227	3,253,041,146
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	133,768,283	133,768,283	-
Thuế môn bài	-	25,000,000	25,000,000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	182,485,162	1,329,243,685	1,118,627,528	393,101,319
Tổng	9,387,478,002	4,768,558,250	8,691,308,331	5,464,727,921
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	-	-	307,842	307,842
Thuế XNK	12,885,259,984	1,897,869,335	-	10,987,390,649
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	5,919,115,553	6,467,868,813	548,753,260
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	44,039,138	-	-	44,039,138
Tổng	12,929,299,122	7,816,984,888	6,468,176,655	11,580,490,889

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.11 Chi phí phải trả

	31/03/2017 VND	01/01/2017 VND
Ngắn hạn	23,638,973,873	33,138,080,284
Chi phí khuyến mãi, chiết khấu, hoa hồng	6,374,361,267	14,173,863,670
Bản quyền phần mềm Microsoft		-
Nguyên phụ liệu	12,575,230,379	12,737,444,571
hạng mục san nền san nền và đường trục chính cụm Công Nghiệp Tam Quan		-
Chi phí điện, nước, vận chuyển	3,577,372,092	4,814,051,690
chi phí phải trả khác	1,112,010,135	1,412,720,353
Dài hạn	-	-
Tổng	23,638,973,873	33,138,080,284

5.12 Doanh thu chưa thực hiện

	31/03/2017 VND	01/01/2017 VND
Ngắn hạn	3,923,927,182	4,899,609,401
Các khoản doanh thu nhận trước	3,923,927,182	4,899,609,401
Dài hạn	22,211,238,472	22,205,546,226
Các khoản doanh thu nhận trước	22,211,238,472	22,205,546,226
Tổng	26,135,165,654	27,105,155,627

5.13 Phải trả khác

	31/03/2017 VND	01/01/2017 VND
Ngắn hạn	20,098,057,604	12,564,627,513
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
Kinh phí công đoàn	3,276,159,690	2,249,102,875
Bảo hiểm xã hội	6,634,251,195	252,246,433
Bảo hiểm y tế	1,494,535,239	1,363,151,529
Bảo hiểm thất nghiệp	505,495,746	461,701,176
Phải trả lợi nhuận khoán	-	-
Phải trả khác	8,187,615,734	8,238,425,500
Dài hạn	6,343,705,274	6,879,272,774
Xây dựng hạ tầng kỹ thuật tại CCN Tam Quan	3,423,705,274	3,423,705,274
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2,920,000,000	3,455,567,500
Tổng	26,441,762,878	19,443,900,287

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.14 Vay và nợ thuê tài chính

	31/03/2017		phát sinh trong kỳ		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	1,007,577,239,475	1,007,577,239,475	561,846,996,752	491,207,499,438	936,937,742,161	936,937,742,161
NH Ngoại Thương VN (VCB)	423,672,254,633	423,672,254,633	159,282,342,135	231,397,272,200	495,787,184,698	495,787,184,698
NH Hong Kong Bank	-	-	15,032,415	11,822,884,432	11,807,852,017	11,807,852,017
NH VIB	138,806,182,139	138,806,182,139	84,788,496,761	71,433,969,773	125,451,655,151	125,451,655,151
NH Far East National Bank (FENB)	78,591,523,021	78,591,523,021	63,507,198,056	-	15,084,324,965	15,084,324,965
NH Quân Đội (MB)	-	-	-	16,903,807,461	16,903,807,461	16,903,807,461
NH ANZ Ho Chi Minh Branch	-	-	-	9,324,919,121	9,324,919,121	9,324,919,121
NH TMCP Đầu Tư và Phát Triển VN - Nam SG	165,408,067,274	165,408,067,274	124,626,775,509	36,061,271,572	76,842,563,337	76,842,563,337
NH Standard Chartered	30,725,821,720	30,725,821,720	12,111,027,204	-	18,614,794,516	18,614,794,516
NH Công Thương VN - TP.HCM	150,898,036,168	150,898,036,168	116,322,540,881	108,334,191,637	142,909,686,924	142,909,686,924
Nợ dài hạn đến hạn trả						
NH Ngoại Thương VN (VCB)-USD	15,116,846,520	15,116,846,520	3,150,000	4,317,695,600	19,431,392,120	19,431,392,120
NH Ngoại Thương VN (VCB)-VNĐ	4,358,508,000	4,358,508,000	1,190,433,791	1,611,487,642	4,779,561,851	4,779,561,851
Vay dài hạn	63,080,322,000	63,080,322,000	4,760,433,791	1,190,433,791	59,510,322,000	59,510,322,000
Ngân hàng Ngoại Thương VN (VCB)-VNĐ	9,865,672,000	9,865,672,000	4,760,433,791	1,190,433,791	6,295,672,000	6,295,672,000
Ngân hàng Ngoại Thương VN (VCB)-USD	53,214,650,000	53,214,650,000	-	-	53,214,650,000	53,214,650,000
CỘNG	1,070,657,561,475	1,070,657,561,475	566,607,430,543	492,397,933,229	996,448,064,161	996,448,064,161

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Bảo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.15 Vốn chủ sở hữu**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng (VND)
Số dư tại 01/01/2016	182,000,000,000	31,399,897,713	75,536,586,261	288,936,483,974
Tăng vốn	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	74,173,702,942	74,173,702,942
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-
Trích lập các quỹ	-	-	11,867,792,471	11,867,792,471
Chia trả cổ tức 2014	-	-	45,500,000,000	45,500,000,000
Giảm khác	-	-	23	23
Số dư tại 31/12/2016	182,000,000,000	31,399,897,713	92,342,496,709	305,742,394,422
Số dư tại 01/01/2017	182,000,000,000	31,399,897,713	92,342,496,709	305,742,394,422
Tăng vốn	-	-	-	-
Lãi trong kỳ	-	-	14,412,286,385	14,412,286,385
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-
Lỗ trong kỳ	-	-	-	-
Trích lập các quỹ	-	-	2,305,965,821	2,305,965,821
Chia trả cổ tức	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	2	2
Số dư tại 31/03/2017	182,000,000,000	31,399,897,713	104,448,817,271	317,848,714,984

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Bảo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.15 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/03/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tập đoàn dệt may Việt Nam	50,400,000,000	50,400,000,000
Công ty cổ phần 4M	17,800,000,000	17,800,000,000
Công ty Cổ phần Thương mại & Vận tải Biển Bom	491,220,000	491,220,000
Vốn góp khác	113,308,780,000	113,308,780,000
Tổng	182,000,000,000	182,000,000,000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	31/03/2017	01/01/2017
Vốn góp tại đầu năm	182,000,000,000	182,000,000,000
Vốn góp tăng trong kỳ		
Vốn góp tại ngày 31 tháng 03	182,000,000,000	182,000,000,000

d. Cổ phiếu

	31/03/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18,200,000	18,200,000
Số lượng cổ phiếu đã phát ra công chúng	18,200,000	18,200,000
cổ phiếu phổ thông	18,200,000	18,200,000
Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
cổ phiếu phổ thông		
Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18,200,000	18,200,000
cổ phiếu phổ thông	18,200,000	18,200,000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10,000	10,000

5.16 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ Q1/2017	Kỳ Q1/2016
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	671,116,616,518	768,067,390,009
Doanh thu bán hàng	664,051,494,226	759,151,848,426
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7,065,122,292	8,915,541,583
Các khoản giảm trừ doanh thu	2,375,913,833	2,934,302,827
Giảm giá hàng bán	444,448,354	590,251,575
Hàng bán trả lại	1,931,465,479	2,344,051,252
Tổng	668,740,702,685	765,133,087,182

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Bảo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.17 Giá vốn hàng bán

	Kỳ Q1/2017 VNĐ	Kỳ Q1/2016 VNĐ
Giá vốn của hàng hóa đã bán và cung cấp dịch	172,337,717	190,104,934
Giá vốn của thành phẩm đã bán	519,127,899,120	615,906,702,770
Tổng	519,300,236,837	616,096,807,704

5.18 Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ Q1/2017 VNĐ	Kỳ Q1/2016 VNĐ
Lãi tiền gửi ngân hàng	40,199,546	657,166,811
Cổ tức, lợi nhuận được chia	450,000,000	375,000,000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5,541,677,781	5,080,220,851
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2,153,600	436,173
Lợi nhuận khoán	-	-
Tổng	6,034,030,927	6,112,823,835

5.19 Chi phí tài chính

	Kỳ Q1/2017 VNĐ	Kỳ Q1/2016 VNĐ
Lãi tiền vay	5,260,205,367	6,619,044,750
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2,263,199,765	3,524,612,592
Tổng	7,523,405,132	10,143,657,342

5.20 Chi phí bán hàng

	Kỳ Q1/2017 VNĐ	Kỳ Q1/2016 VNĐ
Chi phí nhân viên	16,081,759,872	12,773,808,085
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	428,104,350	454,789,057
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1,699,914,821	2,005,705,693
Chi phí khấu hao TSCĐ	425,534,386	400,044,560
Thuế, phí, lệ phí	16,373,000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	39,085,092,666	40,250,880,457
Chi phí bằng tiền khác	4,421,140,969	3,923,340,182
Tổng	62,157,920,064	59,808,568,034

5.21 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ Q1/2017 VNĐ	Kỳ Q1/2016 VNĐ
Chi phí nhân viên quản lý	36,575,376,439	34,769,526,586
Chi phí vật liệu quản lý	1,736,601,695	1,883,804,487
Chi phí đồ dùng văn phòng	2,463,618,029	2,606,427,724
Chi phí khấu hao TSCĐ	6,873,672,390	3,290,721,333
thuế phí và lệ phí	992,689,241	302,496,604
Chi phí dự phòng	45,082,604	39,232,500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9,217,932,525	14,999,103,150
Chi phí bằng tiền khác	9,821,836,440	7,168,528,758
Tổng	67,726,809,363	65,059,841,142

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.22 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Kỳ Q1/2017 VNĐ	Kỳ Q1/2016 VNĐ
Thu nhập khác		
Thanh lý tài sản cố định	334,011,723	-
chênh lệch tiền NPL		-
chênh lệch tiền gia công+NPL	67,036,152	216,255,205
thu nhập do chậm phát hành hóa đơn		195,300
Thu nhập khác	50,387,185	266,018,418
Tổng	451,435,060	482,468,923
Chi phí khác		
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý		-
Phạt vi phạm hành chính	118,475,694	49,663,158
Chi phí khác	64,413,518	127,816,018
Tổng	182,889,212	177,479,176
Lợi nhuận khác	268,545,848	304,989,747

5.23 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ Q1/2017 VNĐ	Kỳ Q1/2016 VNĐ
Lợi nhuận kế toán trước thuế	18,334,908,063	20,442,026,542
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:	1,728,200,325	2,095,039,417
- Các khoản chi phí không chứng từ	1,465,037,130	1,900,688,758
- Các khoản phạt	118,475,694	49,663,158
- Chi phí khấu hao vượt mức quy định	144,687,501	144,687,501
- Đánh giá chênh lệch tỷ giá		-
- Khác		-
Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:	450,000,000	375,000,000
- Cổ tức	450,000,000	375,000,000
- Phạt thuế		-
- Đánh giá chênh lệch tỷ giá		-
Thu nhập chịu thuế	19,613,108,388	22,162,065,959
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	20%	20%
Thuế TNDN phát sinh đối với hoạt động chính	3,922,621,678	4,432,413,192
Chi phí thuế TNDN	3,922,621,678	4,432,413,192

5.24 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ Q1/2017 VNĐ	Kỳ Q1/2016 VNĐ
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	297,997,186,884	367,600,722,976
Chi phí nhân công	165,534,270,388	174,110,640,503
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15,186,127,360	14,165,435,786
Chi phí dịch vụ mua ngoài	160,794,759,125	178,141,853,808
Chi phí khác bằng tiền	9,672,622,508	6,946,563,806
Tổng	649,184,966,265	740,965,216,880

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Bảo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Thông tin về các bên liên quan****Giao dịch bán hàng trong kỳ**

Bên Liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Q1.2017 VND	Q1.2016 VND
Cty CP TM Dệt May Nhà Bè	Công ty con	Quần áo	609,156,361	217,933,313
		Điện, ăn, nước, thuê máy	73,978,729	78,713,658
		Khác	-	142,326,637
Cty CP May An Nhơn	Công ty con	Điện, ăn, nước, thuê máy	-	2,400,000
		Chi Phí XNK	-	(5,949,772)
		Khác	11,806,727	167,069,540
Cty CP May Bình Định	Công ty con	Điện, ăn, nước, thuê máy	-	3,420,000
		Nguyên Phụ Liệu	-	627,850
		Chi Phí XNK	-	4,100,000
		Khác	-	31,416,000
Cty CP May Đà Lạt	Công ty con	Quần áo	3,927,264	3,818,190
		Điện, ăn, nước, thuê máy	-	3,450,000
		Chi Phí XNK	-	4,500,000
		Khác	-	1,054,000
Cty CP May Gia Lai	Công ty con	Nguyên Phụ Liệu	45,784,000	51,532,800
		Chi Phí XNK	-	3,662,600
		Khác	-	6,324,000
Cty CP May Tam Quan	Công ty con	Điện, ăn, nước, thuê máy	(1,800,000)	
		Tiền thuê nhà	72,865,000	
		Nguyên Phụ Liệu	1,157,809	
		Khác	(59,031,312)	
Cty CP Thương Mại Nhà Bè	Công ty con	Quần áo	-	1,048,309,856
		Nguyên Phụ Liệu	-	452,038
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư & Phát triển DVTM Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Quần áo	-	46,662,955
		Điện, ăn, nước, thuê máy	14,533,044	15,429,481
		Tiền thuê nhà	108,508,827	116,524,477
		Khác	-	74,276,000
		Thiết bị các loại	30,076,727	
Cty CP May Phú Thịnh - Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Quần áo	-	5,090,920
Cty CP May Sông Tiền	Công ty liên doanh, liên kết	Quần áo	32,776,364	49,351,636
		Nguyên Phụ Liệu	-	45,685,378
		Điện, ăn, nước, thuê máy	6,144,000	5,214,000
Cty CP May Bình Thuận-Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Quần áo	1,252,627,633	95,915,455
		Nguyên Phụ Liệu	706,154	4,607,820
Cty TNHH May Vinatex Tư Nghĩa	Công ty liên doanh, liên kết	Quần áo	23,270,455	
Cty CP Xây lắp Công nghiệp Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Quần áo	1,318,182	559,091
		Điện, ăn, nước, thuê máy	4,956,510	6,702,646
		Tiền thuê nhà	55,063,800	54,148,500
		Khác	13,987,692	10,914,000
Công Ty CP Truyền Thông và Du Lịch NBC	Công ty liên doanh, liên kết	Điện, ăn, nước, thuê máy	3,546,527	11,984,155
		Tiền thuê nhà	-	53,480,000
		Khác	-	19,553,600
Công Ty CP Thương Mại Bán Lẻ Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Điện, ăn, nước, thuê máy	12,698,412	7,237,432
		Tiền thuê nhà	80,760,240	79,417,800
		Khác	-	8,296,000
Cty CP May Nhà Bè - Hậu Giang	Công ty con	Quần áo	6,960,000	12,327,273
		Nguyên Phụ Liệu	31,823,168	1,624,260
		Khác	451,727	
Cty CP May Gia Phúc	Công ty con	Quần áo	6,924,206,250	559,091

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.1 Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

Giao dịch mua hàng trong kỳ

Bên Liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Q1.2017 VND	Q1.2016 VND
Cty CP TM Dệt May Nhà Bè	Công ty con	Gia công	1,856,953,294	366,732,132
		khác	187,823,156	121,144,130
Cty CP May An Nhơn	Công ty con	Gia công	3,899,851,717	5,090,496,181
Cty CP May Bình Định	Công ty con	Gia công	4,721,413,175	9,029,447,327
		Phí vận chuyển	-	11,052,505
Cty CP May Đà Lạt	Công ty con	Gia công	9,067,063,551	10,791,470,946
Cty CP May Gia Lai	Công ty con	Gia công	15,758,613,970	16,553,547,928
Cty CP May Tam Quan	Công ty con	Gia công	18,031,897,406	17,371,820,317
		khác	1,000,000	-
Cty CP Thương Mại Nhà Bè	Công ty con	Gia công	-	2,762,567,723
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư & Phát triển DVTM Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Phí vận chuyển	9,429,150,881	11,873,638,519
		khác	24,959,400,616	177,344,145
Cty CP Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Thiết bị các loại	2,032,964,000	3,418,845,000
		Công cụ, dụng cụ	-	163,080,000
		khác	-	15,671,000
		Văn Phòng Phẩm	-	3,480,000
		Sửa chữa	13,300,000	3,750,000
Cty CP May Phú Thịnh - Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Gia công	1,097,110,383	3,336,288,999
		Thiết bị các loại	3,200,000	-
		Công cụ, dụng cụ	46,200,000	-
Cty CP May Sông Tiền	Công ty liên doanh, liên kết	Gia công	633,949,490	4,257,768,041
Cty CP May Bình Thuận-Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Gia công	2,809,104,921	5,916,672,966
		Hoa Hồng	30,863,181	28,774,636
Cty CP Xây lắp Công nghiệp Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Thiết bị các loại	542,349,140	1,641,118,099
		Công cụ, dụng cụ	-	258,388,460
		khác	50,032,220	14,170,000
		Văn Phòng Phẩm	-	174,000
		Sửa chữa	435,283,636	2,493,350,883
Công Ty CP Truyền Thông và Du Lịch NBC	Công ty liên doanh, liên kết	Thiết bị các loại	184,508,365	241,920,184
		Dịch vụ bảo trì	-	245,235,000
		Công cụ, dụng cụ	117,950,000	313,485,750
		Phí vận chuyển	-	370,775,944
		khác	549,699,952	1,998,099,024
		Văn Phòng Phẩm	23,379,673	131,642,139
		Sửa chữa	245,112,273	2,087,183,157
		Quảng cáo	258,514,500	47,945,000
Công Ty CP Thương Mại Bán Lẻ Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	khác	132,784,505	141,225,377
Cty CP May Nhà Bè - Hậu Giang	Công ty con	Gia công	18,767,136,092	6,403,351,024
Cty CP May Gia Phúc	Công ty con	Gia công	2,552,209,687	492,022,755
		khác	112,951,609	-

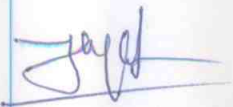
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

Sổ dư công nợ các bên liên quan

Bên Liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	31/03/2017 VND
Công ty CP May Gia Lai	Công ty con	Phải thu khách hàng	4,929,632,599
Công ty CP Thương mại DM Nhà Bè	Công ty con	Phải thu khách hàng	1,845,515,441
Cty CP May Gia Phúc	Công ty con	Phải thu khách hàng	49,017,500,789
Công ty cổ phần May Phú Thịnh	Công ty liên doanh, liên kết	Phải thu khách hàng	2,000,000,000
Công ty TNHH giặt tẩy Nhà Bè	Công ty con	Phải thu khách hàng	12,000,000,000
Công ty cổ phần May Bình Thuận	Công ty con	Phải thu khách hàng	1,561,619,466
Công ty CP May Gia Lai	Công ty con	Phải trả khách hàng	6,068,878,014
Công ty CP May Bình Định	Công ty con	Phải trả khách hàng	3,789,516,803
Công ty CP May Đà Lạt	Công ty con	Phải trả khách hàng	6,196,519,329
Công ty CP May An Nhơn	Công ty con	Phải trả khách hàng	2,453,745,502
Công ty CP May Tam Quan	Công ty con	Phải trả khách hàng	7,439,403,688
Công ty cổ phần May Bình Thuận	Công ty con	Phải trả khách hàng	2,411,651,221
Cty CP May Nhà Bè - Hậu Giang	Công ty con	Phải trả khách hàng	6,238,604,341
Cty CP May Gia Phúc	Công ty con	Phải trả khách hàng	2,525,057,636

Người lập



Huỳnh Văn Phát

Kế toán trưởng



Thân Phạm Tiến

TP.HCM, ngày 25 tháng 05 năm 2017

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Lân

